TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày: 04/01/2018
V/v tranh chấp về dân sự hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2017/TLPT-DS, ngày 15/11/2017 về việc tranh chấp dân sự hụi và vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 323/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị B, sinh năm 1951

Địa chỉ: xã V, huyện , tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 1975

Địa chỉ: xã T, huyện L , tỉnh Đ.

Theo đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn, chị Phạm Thị Tuyết T là bị đơn.

(Bà B và chị T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

+ Dây thứ 1: Bà làm chủ hụi dây hụi giá 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi này có 18 phần chơi, trong đó chị Phạm Thị Tuyết T tham gia 02 phần, ngày khui hụi đầu tiên là 10/1l âl/2012. Ngày 10/11 âl/2012 Chị T bỏ 720.000 đồng trúng nên chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 38.760.000 đồng trừ tiền huê hồng 1.500.000 đồng còn lại 37.260.000 đồng.

Khui đến lần thứ 10 là ngày 10/8 âl/2013 khui hụi, chị T bỏ 1.000.000 đồng trúng nên chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 41.500.000 đồng đã trừ tiền huê hồng 1.500.000 đồng.

Sau khi hốt 02 phần hụi xong chị T không đóng cho bà 02 phần hụi chết cho đến nay, hụi đã mãn ngày 10/4 âl/2014 chị T không đóng cho bà số tiền nào.

Như vậy chị T không đóng hụi của 02 phần chết của 08 phần còn lại là 48.000.000 đồng.

+ Dây thứ 2: Bà làm chủ hụi dây hụi giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi này có 21 phần chơi, trong đó chị Phạm Thị Tuyết T tham gia 03 phần. Ngày khui hụi đầu tiên là 15/4 âl/2013.

Khui đến lần thứ 3 là ngày 15/6 âl/2013 khui hụi, chị T bỏ 810.000 đồng trúng nên Chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 24.420.000 đồng đã trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng.

Khui đến lần thứ 6 là ngày 15/9 âl/2013 khui hụi, chị T bỏ 725.000 đồng trúng nên chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 28.125.000 đồng đã trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng.

Khui đến lần thứ 7 là ngày 15/10 âl/2013 khui hụi, chị T bỏ 810.000 đồng trúng nên chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 27.660.000 đồng đã trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng.

Sau khi hốt xong của ngày khui 15/10 âl/2013 chị T không đóng cho bà 03 phần hụi chết cho đến nay hụi đã mãn ngày 15/12 âl/2014 mà chị T không đóng cho bà số tiền nào.

Như vậy chị T không đóng hụi của 03 phần chết của 14 phần còn lại là 84.000.000 đồng.

+ Dây thứ ba: Bà làm chủ hụi dây hụi giá l.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi này có 22 phần chơi, trong đó chị Phạm Thị Tuyết T tham gia 02 phần. Ngày khui hụi đầu tiên là 20/10 âl/2013. Ngày 20/10 âl/2013 Chị T bỏ 250.000 đồng trúng nên chị T hốt, bà chầu hụi cho chị T 15.000.000 đồng đã trừ 01 phần hụi sống của chị T ra.

Ngày 20/11 âl/2013 khui hụi, chị Lệ hốt. Ngày 20/12 âl/2013 khui hụi, Chị T bỏ 350.000 đồng trúng nên Chị T hốt, bà chầu hụi cho Chị T 13.350.000 đồng trừ 01 phần hụi chết của Chị T.

Sau khi hốt xong của ngày khui 20/12 â1/2013 tiếp theo Chị T đóng được 01 lần hụi chết l.000.000 đồng còn lại cho đến nay hụi đã mãn ngày 20/6 âl/2015 mà Chị T không đóng cho bà số tiền nào.

Như vậy Chị T không đóng hụi của 02 phần chết của 18 phần là 36.000.000 đồng.

Tổng cộng Phạm Thị Tuyết T nợ bà của 03 dây hụi trên là 168.000.000 đồng.

Bà có chơi hụi giùm cho Chị T của bà Tư Đ ở ấp H , xã V, huyện L dây hụi giá 200.000 đồng, ngày tháng năm nào bà không nhớ, mỗi tuần khui 01 lần mà tham gia 03 phần; 03 phần này đã hốt hết, bà đưa tiền cho Chị T nhưng không nhớ bao nhiêu, mà bà đã đóng thay cho Chị T hụi chết cho bà Tư Đ tổng cộng 13.000.000 đồng.

Bà đứng vay tiền giùm cho Chị T của bà Hai Đ ngày 02/8âl/2012 là 40.000.000 đồng, hiện nay bà đã trả đủ cho bà Hai Đ.

Bà đứng vay tiền góp giùm cho Chị T của bà Th ngày 01/8â1/2013 là 10.000.000 đồng, hiện nay bà đã trả đủ cho bà Th.

Bà đứng vay tiền ngày giùm cho Chị T của bà Bé T ngày 08/8â1/2013 là 10.000.000 đồng, hiện nay bà đã trả đủ cho bà Bé T .

Bà đứng vay tiền góp giùm cho Chị T của bà L ngày 20/9âl/2013 là 15.400.000 đồng, hiện nay bà đã trả đủ cho bà L.

Bà có cho Chị T mượn tiền mua bảo hiểm nhân thọ ngày 30/6â1/2013 là 11.450.000 đồng.

Bà có cho Chị T mượn vòng đeo tay bằng ngà, Chị T bán được 10.000.000 đồng, ngày tháng nào không nhớ, nhưng năm 2013.

Chị T mượn hụi của Bé T và Tư G của dây hụi giá 1000.000 đồng, Chị T không có tiền trả, Chị T kêu bà đứng trả thay rồi Chị T trả lại cho bà, bà là người đứng ra đóng thay cho Chị T dây hụi này trả cho Bé Tám và Tư G là 20.150.000 đồng; đến hiện nay Chị T không trả cho bà số tiền nào.

Tổng cộng Phạm Thị Tuyết T nợ bà của các phần này là 130.000.000 đồng.

Ngày 15/02 âl/2014 Chị T có làm biên nhận cho bà, tự tay Chị T viết biên nhận là còn nợ bà 262.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu Phạm Thị Tuyết T trả cho bà tiền hụi 168.000.000 đồng và tiền nợ là 130.000.000 đồng; tổng cộng Phạm Thị Tuyết T trả cho bà 298.000.000 đồng, lãi suất bà không yêu cầu. Bà không yêu cầu giám định đối với giấy mà bà cho rằng Phạm Thị Tuyết T ghi nợ cho bà.

Bị đơn Phạm Thị Tuyết T trình bày:

Chị thừa nhận là có tham gia hụi 02 dây, dây thứ 1 là dây 3.000.000 đồng và dây thứ 2 giá hụi 2.000.000 đồng đúng như Bà B trình bày. Chị có nợ 02 dây hụi tổng số tiền 132.000.000 đồng, nhưng chị đã trả hết cho Bà B, nhưng chị hiện nay không có gì chứng minh.

Dây hụi thứ 3: Chị có tham gia là đúng 02 phần của dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi này có 22 phần. Ngày khui 20/10 âl/2013, đến lần thứ 11 là ngày 20/9 âl/2014 chị bỏ 400.000 đồng, đã trúng, hốt được

14.300.000 đồng trừ tiền cò 500.000 đồng còn lại chị nhận số tiền 13.800.000 đồng. Còn lại phần thứ 02 chị còn sống chưa hốt, chị đã đóng hụi chết của phần hốt và 01 phần sống đến lần thứ 13, lần thứ 14 chị không khả năng đóng nữa cho đến hôm nay, xin Bà B ngưng lại. Như vậy 01 phần sống chị đóng được 13 lần là 9.550.000 đồng, còn 01 phần chết 09 lần chị không đóng là 9.000.000 đồng, trừ lại như vậy Bà B còn nợ lại chị 550.000 đồng; hiện nay dây hụi này đã mãn. Chị Phạm Thị Tuyết T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả 550.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra chị không có nợ tiền mượn, cũng không mượn Bà B vay giùm và tham gia hụi giùm chị; còn biên nhận chị không có viết.

Chị Phạm Thị Tuyết T không đồng ý theo yêu cầu của Bà B. Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả 550.000 đồng cho chị, không yêu cầu lãi suất.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã quyết định:

Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc Phạm Thị Tuyết T trả 118.879.000 đồng mà bà vay giùm, chơi hụi giùm và cho mượn vòng đeo tay bằng ngà.

Chấp nhận phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B đối với Phạm Thị Tuyết T trả tiền vốn hụi 168.000.000 đồng và 11.121.000 đồng tiền mượn mua bảo hiểm.

Bác phần phản tố của Phạm Thị Tuyết T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả 550.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B tiền vốn hụi 168.000.000 đồng và 11.121.000 đồng tiền mượn mua bảo hiểm; tổng cộng là 179.121.000 đồng.

Đối với tiền hoàn trả khi có đon yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm trả, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án thêm phần lãi, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

- Án phí và tạm ứng án phí:

Chị Phạm Thị Tuyết T phải chịu 8.956.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần bác phản tố); nhưng được khấu trừ lại số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 09685, ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy Phạm Thị Tuyết T phải nộp thêm là 8.956.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.943.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ lại cho bà 900.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 03104, ngày 11/5/2016 và 3.275.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 036698, ngày 27/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy Bà B phải nộp tiếp tục 1.768.950 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi án sơ thẩm tuyên, bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bà Chị T trả cho bà số tiền 118.879.000 đồng, chị Phạm Thị Tuyết T là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu tòa án buộc bà Phạm Thị Tuyết T trả cho bà số tiền 118.879.000 đồng.

Bà Phạm Thị Tuyết T không đồng ý trả số tiền hụi là 168.000.000 đồng và tiền vay là 130.000.000 đồng, tổng số tiền 298.000.000 đồng theo yêu cầu của Bà B. Bà Chị T yêu cầu Bà B trả cho bà số tiền 550.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bà Nguyễn Thị B, bà Phạm Thị Tuyết T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị B yêu cầu chị Phạm Thị Tuyết T trả tiền hụi 168.000.000 đồng và tiền nợ vay 130.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà B chỉ xuất trình được giấy hụi và có chữ ký của chị T phù hợp với lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ thể hiện số tiền hụi là 168.000.000 đồng và tiền cho chị T vay để đóng bảo hiểm là 11.121.000 đồng. Ngoài ra bà không xuất trình được chứng cứ về các phần tiền mà bà vay giùm, chơi hụi giùm và cho mượn vòng đeo tay bằng ngà tổng số tiền 118.879.000 đồng. Bên cạnh đó chị T cũng không thừa nhận lời trình bày của Bà B về tiền vay giùm, chơi hụi giùm và cho mượn vòng đeo tay bằng ngà số tiền 118.879.000 đồng.

[2] Chị Phạm Thị Tuyết T không đồng ý trả cho Bà B số tiền hụi là 168.000.000 đồng và tiền vay là 130.000.000 đồng. Chị T thống nhất có tham gia hụi do Bà B làm chủ 03 dây hụi, chị T thừa nhận có nợ 132.000.000 đồng và số tiền bảo hiểm là 11.121.000 đồng nhưng đã trả rồi. Riêng dây hụi thứ ba chị có yêu cầu phản tố không đồng ý trả 36.000.000 đồng và yêu cầu Bà B trả lại cho chị 550.000 đồng. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời bà B cũng không thừa nhận lời trình bày của chị T.

[3] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T số tiền là 550.000 đồng và một phần yêu cầu của Bà B số tiền 118.979.000 đồng.

Chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà B về số tiền hụi là 168.000.000 đồng, tiền mua bảo hiểm 11.121.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà B và bà Chị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bà B và bà Chị T phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và bà Phạm Thị Tuyết T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc Phạm Thị Tuyết T trả 118.879.000 đồng mà bà vay giùm, chơi hụi giùm và cho mượn vòng đeo tay bằng ngà.

Chấp nhận phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B đối với Phạm Thị Tuyết T trả tiền vốn hụi 168.000.000 đồng và 11.121.000 đồng tiền mượn mua bảo hiểm.

Bác phần phản tố của Phạm Thị Tuyết T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả 550.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B tiền vốn hụi 168.000.000 đồng và 11.121.000 đồng tiền mượn mua bảo hiểm; tổng cộng là 179.121.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người dược thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Tuyết T phải chịu 8.956.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (phần bác phản tố); nhưng được khấu trừ lại số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 09685, ngày

19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy Phạm Thị Tuyết T phải nộp thêm là 8.956.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.943.950 đ đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ lại cho bà 900.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 03104, ngày 11/5/2016 và 3.275.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 036698, ngày 27/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy Bà B phải nộp tiếp tục 1.768.950 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng đươc khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 00759 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung, như vậy Bà B đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm

Bà Phạm Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng đươc khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 15418 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung, như vậy bà Chị T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thanh Mỹ